

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 21-5-2020

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoàng Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Thanh.

2. Bà Nguyễn Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Dung là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2020 về việc: “Tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2020/QĐ-PT ngày 18 tháng 3 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Trần Văn U, sinh năm 1961. (có mặt)

Cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C ..

2. *Bị đơn:* Bà Đào Thị M, sinh năm 1960. (có mặt).

Cư trú tại: Ấp Ô, xã T, huyện N, tỉnh C ..

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn ông Trần Văn U trình bày:*

- Về hôn nhân: Vào năm 1978 ông U và bà M tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Trong quá trình sinh sống vợ chồng thường cự cãi với nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không thể hàn gắn quan hệ hôn nhân. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên ông U yêu cầu được ly hôn với bà M.

- Về con chung: Có 03 người, người lớn nhất sinh năm 1979, nhỏ nhất sinh năm 1989, các đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bà Đào Thị M đã được tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và thông báo về các phiên họp công khai chứng cứ và phiên hòa giải, nhưng bà M không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình về việc ông U yêu cầu ly hôn và cũng không tham gia hòa giải.

** Tại phiên tòa:*

- Ông Trần Văn U trình bày yêu cầu: Ông U yêu cầu ly hôn với bà M; Về con chung, tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Đào Thị M trình bày ý kiến: Bà M đồng ý ly hôn với ông U; Về con chung, tài sản và công nợ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung vụ án:

[1.1] Về hôn nhân: Vào năm 1978 ông U và bà M tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, quan hệ hôn nhân giữa các đương sự được xác lập trước ngày 03/01/1987, theo quy định tại điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội thì hôn nhân giữa ông U và bà M là hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông U, thì vợ chồng chung sống không hợp tính nhau dẫn đến mâu thuẫn trong cuộc sống do bất đồng quan điểm, vợ chồng ly thân hơn 07 năm nay, trong thời gian ly thân hai bên không còn quan tâm chăm sóc nhau. Tại phiên tòa, bà M trình bày ý kiến của mình là do ông U có quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng đã ly thân được 07 năm, nên bà M đồng ý ly hôn với ông U.

Quan hệ hôn nhân giữa ông U và bà M đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa ông Trần Văn U đối với bà Đào Thị M.

[1.2] Về con chung: Đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

[1.3] Về tài sản và công nợ: Đương sự không đặt ra yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[1.4] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc ông Trần Văn U phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được trừ phần tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.
- Điều 131 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.
- Khoản 1 Điều 89, Điều 91 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn giữa ông Trần Văn U đối với bà Đào Thị M.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản và công nợ: Đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Buộc ông Trần Văn U phải chịu án phí với số tiền là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006019 ngày 07 tháng 01 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiến, án phí sơ thẩm ông U đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt thì thời hạn kháng cáo kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiến;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiến;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Hoàng Tuấn